

Số: 2014/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 15 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ do GPMB xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A, đi qua Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1588/TTr-STNMT ngày 18/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ do GPMB để xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A, đi qua Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 2) tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 307.623.000 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường cho Tòa Giám mục Quy Nhơn (kể cả giá trị bồi thường về đất các hộ dân tự nguyện giao lại cho Tòa Giám mục): 122.931.000 đồng;
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân: 178.660.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 6.032.000 đồng (đã bao gồm phí thẩm định phương án bồi thường 0,2% là 600.000 đồng, trong đó có phí thẩm định của Sở TN&MT là 420.000 đồng).

Nguồn vốn chi trả: Vốn dự án tuyến đường Quốc lộ 19.

Điều 2. Giao Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Tổ chức và các hộ dân có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ha*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K7. *2*



Phụ lục

Giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do GPMB để xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao QL 1A đi qua Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 2)

(kèm theo Quyết định số **2014**/QĐ-UBND ngày **25** tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số thửa đo mới	DT đất bồi thường (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ		Tổng cộng
					Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất	
(a)	(b)	(c)		(1)	(2)	(3)	(4) = (2) + (3)
A	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CHO TÒA GIÁM MỤC QUY NHƠN (I + II + III)			2.119.5	122.931.000	0	122.931.000
I	Giá trị bồi thường về đất đối với diện tích đất trong sổ địa chính đứng tên nhà thờ Đông Định, các hộ dân đang sử dụng canh tác (Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 48)			261.1	15.143.800	0	15.143.800
II	Giá trị bồi thường về đất các hộ dân tự nguyện giao lại cho Tòa Giám mục Quy Nhơn đối với diện tích đất các hộ dân đang sử dụng, Tòa Giám mục Quy Nhơn chưa chứng minh được là đất của Tòa Giám mục (Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất			1.525.5	88.479.000	0	88.479.000
1	Thửa đất số 18 - tờ bản đồ số 32 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997)			1.115.4	64.693.200	0	64.693.200
2	Thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 32 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997)			163.6	9.488.800	0	9.488.800
3	Diện tích đất các hộ dân đã nhận chuyển nhượng từ các hộ khác (Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 32)			246.5	14.297.000	0	14.297.000
III	Giá trị bồi thường về đất đối với diện tích đất ao hào chung			332.9	19.308.200	0	19.308.200
B	GIÁ TRỊ HỖ TRỢ VỀ ĐẤT CHO CÁC HỘ DÂN (I + II)			1.786.6	0	178.660.000	178.660.000
I	Hỗ trợ về đất đối với diện tích đất trong sổ địa chính đứng tên nhà thờ Đông Định, các hộ dân đang sử dụng canh tác (Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 48)			261.1	0	26.110.000	26.110.000
	Nguyễn Tử	KV 4, P. Nhơn Bình		261.1	0	26.110.000	26.110.000
II	Hỗ trợ về đất đối với diện tích đất các hộ dân đang sử dụng, Tòa Giám mục Quy Nhơn chưa chứng minh được là đất của Tòa Giám mục (Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 18, 19 - tờ bản đồ số 32)			1.525.5	0	152.550.000	152.550.000

ha

a	Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 32 (Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997)			1.115.4	0	111.540.000.0	111.540.000.0
1	Nguyễn Văn Châu, vợ Phạm Thị Lan	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	22	109.8	0	10.980.000	10.980.000
2	Nguyễn Văn Phước	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	23	224.9	0	22.490.000	22.490.000
3	Phan Thị Mai	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	37	73.8	0	7.380.000	7.380.000
4	Hồ Thị The	Tổ 25, KV 3, P. Nhơn Bình	27	181.9	0	18.190.000	18.190.000
5	Võ Hữu Lợi	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	28	87.5	0	8.750.000	8.750.000
6	Võ Ngọc Bảy	Tổ 29, KV 4, P. Nhơn Bình	29	87.0	0	8.700.000	8.700.000
7	Huỳnh Thị Út	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	38	196.4	0	19.640.000	19.640.000
8	Võ Ngọc Đạt	Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	44	115.5	0	11.550.000	11.550.000
9	Lê Văn Mười	Tổ 30, KV 4, P. Nhơn Bình	30	38.6	0	3.860.000	3.860.000
b	Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 32 (Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997)			163.6	0	16.360.000	16.360.000
1	Võ Văn Lộc	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	53	33.6	0	3.360.000	3.360.000
2	Lê Văn Quồn, vợ Huỳnh Thị Ngọc Liên	Tổ 8, KV 2, P. Đồng Đa	54	9.9	0	990.000	990.000
3	Hồ Thị Thành	Tổ 30, KV 4, P. Nhơn Bình	55	20.9	0	2.090.000	2.090.000
4	Trần Văn Hay	Tổ 15, KV 3, P. Nhơn Bình	56	5.9	0	590.000	590.000
5	Huỳnh Xuân Đề	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	57	43.6	0	4.360.000	4.360.000
6	Phạm Sỹ Đại, vợ Trần Thị Hải	Tổ 33, KV 4, P. Nhơn Bình	63	49.7	0	4.970.000	4.970.000
c	Diện tích đất các hộ dân đã nhận chuyển nhượng từ các hộ khác (Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 là một phần thửa đất số 19 - tờ bản đồ số 32)			246.5	0	24.650.000	24.650.000
1	Nguyễn Thanh Dũng	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	48	44.3	0	4.430.000	4.430.000
2	Trần Thị Thu Vân	Tổ 32, KV 4, P. Nhơn Bình	49	97.1	0	9.710.000	9.710.000
3	Nguyễn Đắc Tấn	Tổ 54, KV 7, P. Nhơn Bình	50	27.4	0	2.740.000	2.740.000
4	Võ Ngọc Thân	Tổ 32, KV4, P. Nhơn Bình	64	51.4	0	5.140.000	5.140.000
5	Trần Thị Hiền	Tổ 30, KV 4, P. Nhơn Bình	65	26.3	0	2.630.000	2.630.000
C	Tổng cộng giá trị BT, HT: (Quy tròn)(A + B)			2.119.5	122.931.000	178.660.000	301.591.000
D	Chi phí GPMB = (C) x 2%						6.032.000
Tổng cộng: (C + D)							307.623.000